

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/DS- ST
Ngày: 18 - 4 - 2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Chiến

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Thiện Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên toà: ông Lê Thanh Phong – KSV sơ cấp

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 824/2024/TLST - DS ngày 18 tháng 12 năm 2024, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 31/QĐST -DS, ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

- 1.1. Ông Lê Tấn T, sinh năm 1984;
- 1.2. Bà Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1984.

Cùng cư trú: Số B, Tôn Đức T2, khóm Long Thị D, phường Long Thạnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

2. Bị đơn: Bà Phan Thị T3, sinh năm 1976,

Nơi cư trú: Tổ G, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang

(ông T bà T1 xin vắng mặt; bà T3 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ T1 thống nhất trình bày:

Do quen biết qua người giới thiệu, vào ngày 18 tháng 4 năm 2021, bà Phan Thị T3 có hỏi vay của vợ chồng ông bà số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng, thời hạn vay 02 tháng, khi vay không có làm hợp đồng vay mà làm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà Phan Thị T3 đứng tên chuyển cho ông bà để làm niềm tin cho số tiền vay, sau khi vay bà T3 trả lãi nhiều lần được 158.000.000đ thì ngưng (chỉ cộng dồn không xác định được bao nhiêu tháng). Sau đó do bà T3 vi phạm nghĩa vụ vay tiền nên hai bên phát sinh tranh chấp và được Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử theo Bản án số 186/2024/DS-ST vào ngày 17/7/2024, trong đó có 1 phần ghi nhận:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị T3 trả lại ông Lê Tấn T, bà Nguyễn Thị Mỹ T1 số tiền vốn vay 400.000.000 đồng.

+ Đối với tiền lãi của khoản vay 400.000.000 đồng, ông T, bà T1 có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

Như vậy số tiền vốn vay 400.000.000 đồng từ ngày 18/4/2021 đến 17/9/2024 số tiền lãi tạm tính là 272.240.000đ (lãi suất 1,66%/tháng), bà T3 đã đóng lãi cho ông bà được 158.000.000 đồng và còn nợ tiền lãi của khoản vay nêu trên là: 114.240.000 đồng. Nay ông bà yêu cầu bà T3 trả số tiền lãi của khoản vay 400.000.000 đồng từ ngày 18/4/2021 đến ngày 17/8/2024 (giảm lại 1 tháng tính từ ngày bản án số 186/2024/DS-ST, ngày 17/7/2024 có hiệu lực) tạm tính là 265.600.000 đồng theo lãi suất 1,66%/tháng, khấu trừ số tiền lãi bà T3 đã trả 158.000.000 đồng, còn lại 107.600.000đ. Đối với số tiền chậm trả và lãi phát sinh không yêu cầu, vì số tiền vốn đã được tính theo bản án số 184/2024/DS-ST, ngày 17/7/2024.

* Bị đơn bà Phan Thị T3 vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: bà thừa nhận vào ngày 18/4/2021 có vay của vợ chồng ông T bà T1 400.000.000đ lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, sau khi vay bà có trả lãi cho ông T bà T1 đến năm 2023, khi trả nhờ người quen chuyển trả tiền lãi không xác định được tháng nào, chỉ nhớ khoản 300.000.000đ, sự việc tranh chấp cũng được Tòa án giải quyết bằng Bản án số 186/2024/DS-ST vào ngày 17/7/2024, nhưng số tiền lãi còn lại ông T bà T1 cũng hứa cho bà, nên ông T bà T1 yêu cầu trả tiếp số tiền lãi bà không đồng ý.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên bà T3 vắng mặt suốt quá trình tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm, bà cũng được tổng đạt niêm yết để nghe xét xử đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt, nguyên đơn có yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, họ có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của họ, việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: qua ý kiến trình bày của các bên, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện bà T3 vay tiền của vợ chồng ông T bà T1 vào ngày 18/4/2021, hai bên đã làm hợp đồng giả cách là chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà T3 đứng tên để đảm bảo số tiền vay, bà T3 tiếp tục trả lãi, đến khi các bên có tranh chấp thì được giải quyết tại Bản án số 186/2024/DS-ST vào ngày 17/7/2024 (có hiệu lực ngày 18/8/2024), tại thời điểm này chỉ giải quyết phần vốn gốc, các bên chưa giải quyết dứt điểm phần tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm giao kết hợp đồng vay, bản án đã giành quyền khởi kiện cho các bên, do đó nguyên đơn khởi kiện tranh chấp, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cũng như mở phiên họp công khai chứng cứ và đối chiếu nợ lãi giữa bà T3 với người đại diện của nguyên đơn thì bà T3 bỏ về, tiếp tục thông báo công khai đối chiếu nợ lãi với vợ chồng ông T, bà T1 nhưng bà T3 không đến coi như từ bỏ quyền lợi của mình, bà T3 cho rằng trả lãi nhiều hơn so với lời thừa nhận của ông T bà T1, nhưng bà cũng không đưa ra chứng cứ nào chứng minh hay đối chất để xác định số tiền lãi đã trả, do đó nguyên đơn thừa nhận đã nhận lãi của bà T3 bao nhiêu sẽ được khấu trừ vào số tiền lãi bà T3 phải trả. Mặt khác ông T bà T1 chỉ yêu cầu tính mức lãi suất 1,66%/tháng tương ứng 20%/năm phù hợp với Điều 468 Bộ Luật dân sự, nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận và tính thời gian trả lãi từ ngày vay là ngày 18/4/2021 đến ngày được bản án có hiệu lực tuyên trả vốn là ngày 18/8/2024.

Đồng thời buộc đương sự chịu án phí theo quy định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về người tham gia tố tụng: bị đơn được triệu tập lần thứ 2 để nghe xét xử nhưng vắng mặt, nguyên đơn có đơn yêu cầu được vắng mặt khi xét xử và có ý kiến trình bày rõ ràng yêu cầu của họ, do đó hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: bị đơn cư trú ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, nên nguyên đơn khởi kiện là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Phú Tân theo quy định điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ tranh chấp nguyên đơn khởi kiện đòi tiền lãi của vốn vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp là Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét chứng cứ trong hồ sơ thể hiện bà T3 vay tiền của vợ chồng ông T bà T1 vào ngày 18/4/2021, hai bên đã làm hợp đồng giả cách là chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà T3 đứng tên cho ông T bà T1 để đảm bảo số tiền vay, bà T3 tiếp tục trả lãi, đến khi các bên có tranh chấp thì được giải quyết bằng Bản án số 186/2024/DS-ST vào ngày 17/7/2024 (có hiệu lực ngày 18/8/2024), tại thời điểm này chỉ giải quyết phần vốn gốc, các bên chưa giải quyết dứt điểm phần tiền lãi phát sinh kể từ thời điểm giao kết hợp đồng vay, bản án đã giành quyền khởi kiện cho các bên, do đó nguyên đơn khởi kiện tranh chấp, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cũng như mở phiên họp công khai chứng cứ và đối chiếu nợ lãi giữa bà T3 với người đại diện của nguyên đơn thì bà T3 bỏ về, tiếp tục thông báo công khai đối chiếu nợ lãi với vợ chồng ông T, bà T1 nhưng bà T3 không đến coi như từ bỏ quyền lợi của mình, bà T3 cho rằng trả lãi số tiền là 300.000.000đ nhiều hơn so với lời thừa nhận của ông T bà T1 là 158.000.000đ, nhưng bà cũng không đưa chứng cứ nào chứng minh hay đối chất để xác định số tiền lãi đã trả, do đó nguyên đơn thừa nhận đã nhận lãi của bà T3 bao nhiêu (158.000.000đ) sẽ được khấu trừ vào số tiền lãi bà T3 phải trả. Mặt khác ông T bà T1 chỉ yêu cầu tính mức lãi suất 1,66%/tháng tương ứng 20%/năm phù hợp với Điều 468 Bộ Luật dân sự, nên được chấp nhận số tiền lãi được tính như sau:

Vốn vay 400.000.000đ X 1,66% X 40 tháng (từ tháng 4/2021 đến 8/2024) = 265.600.000đ – số tiền lãi đã nhận 158.000.000đ = 107.600.000đ

Do yêu cầu của ông T bà T1 được chấp nhận nên buộc bà T3 phải trả số tiền lãi của vốn vay 400.000.000đ là 107.600.000đ

[3] Về án phí: Do bà T3 phải trả tiền lãi cho ông T bà T1, nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về “ Hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Phan Thị T3 phải trả cho ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ T1 số tiền lãi 107.600.000đ (một trăm lẻ bảy triệu, sáu trăm ngàn đồng)

- Án phí dân sự sơ thẩm: bà Phan Thị T3 phải chịu 5.380.000đ. ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ T1 không phải chịu án phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Lê Tấn T và bà Nguyễn Thị Mỹ T1. 2.856.000đ theo biên lai thu số 0011695, ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc tổng đạt, niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim C – V

Bùi Văn C1